

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 329/QĐ-TĐHYKPNT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận trúng tuyển bổ sung trình độ Chuyên khoa cấp I
và Chuyên khoa cấp II năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1636/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I Sau Đại học;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25 tháng 5 năm 2001 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp II Sau Đại học;

Căn cứ Công văn số 3077/BYT-K2ĐT ngày 21 tháng 5 năm 2025 của Bộ Y tế về việc bảo đảm chất lượng đào tạo nhân lực y tế trình độ CKI, CKII và BSNT;

Căn cứ Quyết định số 1630/QĐ-TĐHYKPNT ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh Sau đại học năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2837/QĐ-TĐHYKPNT ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 1630/QĐ-TĐHYKPNT ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh Sau đại học năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2860/QĐ-TĐHYKPNT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc công nhận trúng tuyển trình độ Chuyên khoa cấp I và Chuyên khoa cấp II năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Tuyển sinh Sau đại học ngày 21 tháng 7 năm 2026 và Danh sách công nhận trúng tuyển bổ sung xuất từ phần mềm của Ban Máy tính kỳ thi Tuyển sinh Sau đại học năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2823/QĐ-TĐHYKPNT ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc phân công nhiệm vụ và ủy quyền ký văn bản giữa Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học tại Tờ trình số 489/TTr-QLĐTSDH ngày 23 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 96 thí sinh trúng tuyển bổ sung trình độ Chuyên khoa cấp I thuộc 12 chuyên ngành và 26 thí sinh trúng tuyển bổ sung trình độ Chuyên khoa cấp II thuộc 08 chuyên ngành (*danh sách đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, Khoa Y, Phòng Tài chính kế toán và các cá nhân có tên tại Điều 1 trên chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KHCN&ĐT-Bộ Y tế;
- HT và các PHT;
- Lưu: VT, P.QLĐTSDH (YN_05b). 

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. DS Nguyễn Đăng Thoại

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN BỔ SUNG
KỲ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2026 (ĐỢT 1)

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA CẤP I

(Kèm Quyết định số .../QĐ-TĐHYKPNT, ngày ... tháng ... năm 2026.
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

STT	TT CN	SBD	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH			15 thí sinh trúng tuyển			
1	1	26.01.01.0003	Nam	04/12/1993	Tỉnh Đồng Nai	
2	2	26.01.01.0027	Nữ	20/09/1998	Tỉnh Vĩnh Long	
3	3	26.01.01.0035	Nam	07/10/1999	Bình Thuận	
4	4	26.01.01.0037	Nam	06/11/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
5	5	26.01.01.0053	Nam	06/02/1998	Tỉnh Đắk Lắk	
6	6	26.01.01.0120	Nữ	30/09/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
7	7	26.01.01.0126	Nữ	11/04/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
8	8	26.01.01.0145	Nữ	14/03/2000	Bình Định	
9	9	26.01.01.0155	Nữ	06/11/1996	Tỉnh Nghệ An	
10	10	26.01.01.0170	Nữ	28/12/1998	Tỉnh Thanh Hóa	
11	11	26.01.01.0180	Nam	04/04/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
12	12	26.01.01.0193	Nữ	22/05/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
13	13	26.01.01.0205	Nữ	31/08/1999	Bình Phước	
14	14	26.01.01.0222	Nữ	04/02/1999	Tỉnh Ninh Thuận	
15	15	26.01.01.0236	Nữ	21/04/1997	Tỉnh Cà Mau	
NGÀNH: CHẨN THƯƠNG CHÍNH HÌNH			7 thí sinh trúng tuyển			
16	1	26.01.02.0266	Nam	20/10/1990	Kiên Giang	
17	2	26.01.02.0271	Nam	01/01/1998	Bình Định	
18	3	26.01.02.0277	Nam	09/02/1998	Tỉnh An Giang	
19	4	26.01.02.0316	Nam	17/12/1997	Tỉnh Đồng Nai	
20	5	26.01.02.0326	Nam	25/01/2000	Phú Yên	
21	6	26.01.02.0332	Nam	08/06/1998	Tỉnh Nghệ An	
22	7	26.01.02.0335	Nam	13/06/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
NGÀNH: DA LIỄU			2 thí sinh trúng tuyển			
23	1	26.01.03.0402	Nữ	26/09/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
24	2	26.01.03.0516	Nữ	03/05/1997	Tỉnh Nghệ An	
NGÀNH: GÂY MÊ HỒI SỨC			11 thí sinh trúng tuyển			
25	1	26.01.05.0561	Nam	19/03/1999	Tỉnh Đắk Lắk	
26	2	26.01.05.0562	Nam	15/07/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
27	3	26.01.05.0563	Nữ	26/10/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
28	4	26.01.05.0571	Nam	10/06/1998	Tỉnh Bình Phước	
29	5	26.01.05.0597	Nữ	17/07/1995	Tỉnh Trà Vinh	

STT	TT CN	SBD	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
30	6	26.01.05.0598	Nam	03/10/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
31	7	26.01.05.0602	Nữ	08/06/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
32	8	26.01.05.0624	Nữ	17/03/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
33	9	26.01.05.0625	Nam	11/04/1995	Tỉnh Kiên Giang	
34	10	26.01.05.0641	Nam	02/05/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
35	11	26.01.05.0647	Nam	04/05/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
		NGÀNH: HỒI SỨC CẤP CỨU – CHỐNG ĐỘC		6 thí sinh trúng tuyển		
36	1	26.01.06.0655	Nam	02/10/1993	Tỉnh Nghệ An	
37	2	26.01.06.0656	Nữ	19/11/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
38	3	26.01.06.0665	Nam	03/12/1996	Tỉnh Cà Mau	
39	4	26.01.06.0666	Nam	08/05/1992	Tỉnh Đắk Lắk	
40	5	26.01.06.0684	Nam	01/07/1991	Tỉnh Bình Thuận	
41	6	26.01.06.0688	Nữ	06/12/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NỘI TỔNG QUÁT		9 thí sinh trúng tuyển		
42	1	26.01.10.0971	Nữ	28/11/2000	Tỉnh Cà Mau	
43	2	26.01.10.1020	Nam	08/09/1998	Tỉnh Khánh Hòa	
44	3	26.01.10.1075	Nam	06/09/1998	Bình Phước	
45	4	26.01.10.1088	Nữ	23/09/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
46	5	26.01.10.1098	Nữ	25/08/1998	Tỉnh Đồng Tháp	
47	6	26.01.10.1104	Nữ	09/10/1998	Tỉnh Quảng Ngãi	
48	7	26.01.10.1135	Nam	18/02/1999	Tỉnh Phú Yên	
49	8	26.01.10.1146	Nữ	18/09/1997	Thành phố Hồ Chí Minh	
50	9	26.01.10.1199	Nữ	07/05/2000	Thành phố Hồ Chí Minh	
		NGÀNH: NHÃN KHOA		4 thí sinh trúng tuyển		
51	1	26.01.08.0835	Nữ	02/8/1997	Tỉnh Tiền Giang	
52	2	26.01.08.0860	Nữ	23/07/2000	tỉnh Tiền Giang	
53	3	26.01.08.0862	Nữ	24/08/2000	Thành phố Cần Thơ	
54	4	26.01.08.0877	Nữ	15/06/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
		NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA		14 thí sinh trúng tuyển		
55	1	26.01.15.1301	Nữ	26/03/2000	Nam Định	
56	2	26.01.15.1306	Nữ	06/03/1999	Thành phố Cần Thơ	
57	3	26.01.15.1325	Nữ	04/05/1997	Bình Dương	
58	4	26.01.15.1333	Nam	08/09/1997	Bình Định	
59	5	26.01.15.1354	Nữ	19/09/1999	Tỉnh Khánh Hòa	
60	6	26.01.15.1365	Nữ	05/02/1999	Hà Nam	
61	7	26.01.15.1381	Nữ	13/11/1996	Tỉnh Đắk Lắk	
62	8	26.01.15.1424	Nữ	30/12/1997	Bình Dương	
63	9	26.01.15.1427	Nam	19/09/1994	Sóc Trăng	

STT	TT CN	SBD	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
64	10	26.01.15.1441	Nữ	14/02/1997	Tiền Giang	
65	11	26.01.15.1484	Nữ	18/01/1998	Phú yên	
66	12	26.01.15.1495	Nữ	12/12/1999	Tỉnh Vĩnh Long	
67	13	26.01.15.1507	Nữ	02/09/1999	Bình Định	
68	14	26.01.15.1508	Nữ	12/09/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
NGÀNH: TAI – MŨI – HỌNG				11 thí sinh trúng tuyển		
69	1	26.01.16.1522	Nữ	15/09/2000	Bến Tre	
70	2	26.01.16.1524	Nữ	26/07/1998	Ninh Thuận	
71	3	26.01.16.1530	Nữ	11/04/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
72	4	26.01.16.1550	Nam	28/09/1995	Tỉnh An Giang	
73	5	26.01.16.1555	Nữ	29/09/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	
74	6	26.01.16.1556	Nữ	21/09/1974	Tỉnh Tây Ninh	
75	7	26.01.16.1568	Nữ	11/11/1988	Tỉnh Tây Ninh	
76	8	26.01.16.1579	Nam	18/05/1999	Thành phố Hồ Chí Minh	
77	9	26.01.16.1587	Nữ	04/04/1997	Tỉnh Đồng Nai	
78	10	26.01.16.1590	Nam	15/10/2000	Thành phố Hải Phòng	
79	11	26.01.16.1592	Nam	05/03/1991	Tỉnh Lâm Đồng	
NGÀNH: TÂM THẦN				4 thí sinh trúng tuyển		
80	1	26.01.18.1600	Nữ	25/04/1997	Tỉnh Đắk Lắk	
81	2	26.01.18.1612	Nam	26/11/1997	Tỉnh Cần Thơ	
82	3	26.01.18.1625	Nam	02/02/1997	Tỉnh Đồng Tháp	
83	4	26.01.18.1633	Nữ	28/11/1995	Tỉnh Tây Ninh	
NGÀNH: THẦN KINH				6 thí sinh trúng tuyển		
84	1	26.01.17.1643	Nam	24/12/1996	Tỉnh Long An	
85	2	26.01.17.1645	Nữ	04/10/1995	Thành phố Hồ Chí Minh	
86	3	26.01.17.1648	Nữ	19/09/1996	Tỉnh Hưng Yên	
87	4	26.01.17.1656	Nữ	21/04/1996	Thành phố Hồ Chí Minh	
88	5	26.01.17.1660	Nữ	02/09/2000	Tỉnh Đắk Lắk	
89	6	26.01.17.1668	Nữ	29/03/2000	Tỉnh Quảng Ngãi	
NGÀNH: TRUYỀN NHIỄM				7 thí sinh trúng tuyển		
90	1	26.01.19.1690	Nam	25/05/1987	Thành phố Hồ Chí Minh	
91	2	26.01.19.1697	Nam	17/11/1986	Tỉnh Sông Bé	
92	3	26.01.19.1700	Nữ	23/02/1991	Tỉnh Đắk Lắk	
93	4	26.01.19.1702	Nữ	07/08/1995	Tỉnh Cà Mau	
94	5	26.01.19.1711	Nam	02/07/1997	Tỉnh Kon Tum	
95	6	26.01.19.1714	Nữ	14/10/1988	Tỉnh Tây Ninh	
96	7	26.01.19.1716	Nam	15/01/1996	Tỉnh Hà Bắc	

Danh sách có 96 thí sinh trúng tuyển

h

**DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN BỔ SUNG
KỲ THI TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC NĂM 2026 (ĐỢT 1)**

ĐỐI TƯỢNG: CHUYÊN KHOA CẤP II

(Kèm Quyết định số .../QĐ-TĐHYKPNT, ngày ... tháng ... năm ...
của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)

STT	TT CN	SBD	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
NGÀNH: CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH			3 thí sinh trúng tuyển			
1	1	26.02.01.0017	Nữ	08/02/1996	Thành phố Cần Thơ	
2	2	26.02.01.0031	Nữ	16/10/1995	Tỉnh Ninh Thuận	
3	3	26.02.01.0035	Nam	28/11/1986	Tỉnh Bắc Thái	
NGÀNH: CHẨN THƯƠNG CHỈNH HÌNH			4 thí sinh trúng tuyển			
4	1	26.02.02.0062	Nam	12/10/1990	Tỉnh Hà Tĩnh	
5	2	26.02.02.0066	Nam	07/07/1986	Tỉnh Đắk Lắk	
6	3	26.02.02.0067	Nam	30/03/1973	Tỉnh Bình Định	
7	4	26.02.02.0088	Nam	01/03/1986	Tỉnh Gia Lai Kontum	
NGÀNH: LÃO KHOA			4 thí sinh trúng tuyển			
8	1	26.02.39.0113	Nữ	15/10/1993	Thành phố Hồ Chí Minh	
9	2	26.02.39.0121	Nữ	26/11/1987	Thành phố Hà Nội	
10	3	26.02.39.0124	Nữ	12/4/1983	Tỉnh Cà Mau	
11	4	26.02.39.0125	Nam	04/07/1986	Đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo	
NGÀNH: NỘI TIM MẠCH			3 thí sinh trúng tuyển			
12	1	26.02.11.0245	Nữ	23/10/1983	Thành phố Huế	
13	2	26.02.11.0258	Nam	27/07/1988	Tỉnh Đồng Nai	
14	3	26.02.11.0268	Nam	06/06/1994	Tỉnh Quảng Ngãi	
NGÀNH: NGOẠI TIẾT NIỆU			1 thí sinh trúng tuyển			
15	1	26.02.34.0168	Nam	28/02/1995	Tỉnh Đắk Lắk	
NGÀNH: NGOẠI TỔNG QUÁT			2 thí sinh trúng tuyển			
16	1	26.02.12.0179	Nam	09/01/1994	Tỉnh Đắk Lắk	
17	2	26.02.12.0188	Nam	17/04/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
NGÀNH: SẢN PHỤ KHOA			4 thí sinh trúng tuyển			
18	1	26.02.15.0351	Nữ	01/07/1983	Tỉnh Tiền Giang	
19	2	26.02.15.0359	Nam	21/10/1990	Thành phố Hồ Chí Minh	
20	3	26.02.15.0372	Nam	23/10/1990	Thừa Thiên Huế	
21	4	26.02.15.0378	Nữ	13/09/1992	tỉnh Sông Bé	
NGÀNH: TAI – MŨI – HỌNG			5 thí sinh trúng tuyển			
22	1	26.02.16.0406	Nam	28/10/1991	Thành phố Hồ Chí Minh	
23	2	26.02.16.0418	Nam	08/01/1981	Tỉnh Quảng Trị	
24	3	26.02.16.0420	Nam	13/10/1986	Tỉnh Đồng Nai	
25	4	26.02.16.0422	Nam	10/11/1992	Tỉnh An Giang	
26	5	26.02.16.0424	Nữ	20/11/1992	Tỉnh Thanh Hóa	

Danh sách có 26 thí sinh trúng tuyển

